

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày 10 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Thường

- Ông Trần Hữu Ước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn S1, sinh năm 1990 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; CMND số 073345... do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 30/7/2010; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và bà Phan Thị N; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật; bị bắt, tạm giam ngày 02/6/2020; có mặt.

2. Lù Seo P1, sinh năm 1979 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; CMND số 073353... do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/10/2010; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Chấn T2 và bà Sùng Thị S2; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật; bị bắt, tạm giam ngày 02/6/2020; có mặt.

3. Lù Chải P2, sinh năm 1974 tại huyện X, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; CMND số 073097... do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/6/2001; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Quảng H1 (đã chết) và bà Sùng Thị S3; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật; bị bắt, tạm giam ngày 02/6/2020; có mặt.

4. Hoàng Văn D1, sinh năm 1984 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; CMND số 073254... do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 10/11/2019; là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 30/7/2020; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ1 và bà Hoàng Thị D2; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật; bị bắt, tạm giam ngày 30/7/2020; có mặt.

5. Thào Seo P3, sinh năm 1985 tại huyện S, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; CMND số 073463... do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 03/9/2013; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A H2 và bà Vàng Thị C1; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1:* Ông Cao Xuân B1 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lù Chải P2:* Bà Nguyễn Thị Thanh H3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Q

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Ông Phùng Minh T3, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn YB, huyện Q, là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Sùng Seo C2, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Ông Nhữ Việt B2, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Đặng Văn A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Trương Văn S4, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Lù Seo S5, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Lù Seo X, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Thào Thị S6, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Sùng Seo C3, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Đặng Văn H4, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Đặng Văn D3, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Lù Seo M, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện X, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Hoàng Văn Đ2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Chị Đặng Thị T4, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Vàng Sảo V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2019 đến tháng 4 năm 2020, Lù Chải P2, Lù Seo P1, Hoàng Văn S1 đã khai thác trái phép nhiều cây gỗ tại khu rừng tự nhiên mỏ ao xanh thuộc tổ 4, thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Các cây gỗ khai thác trái phép được đánh số thứ tự trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020. Cụ thể:

1. Cây trai lý được đánh số 04, có khối lượng là $9,69m^3$. Lù Seo P1 nhìn thấy cây này trong lúc đi rừng. Khoảng tháng 7 năm 2019, P1 rủ Lù Chải P2 và Hoàng Văn S1 dùng cưa máy cưa đổ cây gỗ này, để tránh bị phát hiện P1, S1, P2 bàn nhau chưa xẻ ngay, mà để sau này sẽ xẻ gỗ bán nhưng chưa kịp xẻ thì bị phát hiện.

2. Cây kháo được đánh số 09, có khối lượng là $7,84m^3$. Khoảng tháng 8 năm 2019, trong lúc đi tìm cây dương xỉ, Hoàng Văn S1 nhìn thấy cây gỗ này và dùng cưa máy cắt đổ, thời gian sau S1 cùng P1, P2 xẻ cây gỗ này được một tấm gỗ dạng ván quan tài, vận chuyển ra bìa rừng cất giấu.

3. Cây kháo được đánh số 02, có khối lượng là $2,53m^3$. Thào Seo P3 nhìn thấy cây này trong khi lên rừng tìm cây phong lan. Khoảng tháng 11 năm 2019, P3 được chú họ là ông Sùng Seo C2, ở cùng thôn, nhờ đi tìm mua ván để đóng quan tài; P3 đồng ý và dự định sẽ khai thác, xẻ cây kháo này để bán gỗ cho ông C2. Biết khu rừng này có tổ bảo vệ rừng mà Hoàng Văn D1 là tổ trưởng, nếu đi khai thác gỗ tại đây thì có thể sẽ bị D1 và tổ bảo vệ rừng phát hiện bắt giữ, P3 tìm gặp nói với D1 là ông C2 nhờ làm cho 2 bộ ván quan tài và bảo D1 tạo điều kiện cho P3 khai thác cây kháo bị khô ngọn, hứa hẹn chia tiền bán gỗ cho D1, mục

đích để D1 làm ngơ cho P3 khai thác gỗ. D1 nhất trí và bảo P3 nếu bị bắt thì sẽ tự chịu trách nhiệm. P3 ứng trước số tiền 2.000.000 đồng của gia đình ông C2 rồi tìm gặp bảo P1, P2, S1 cùng đi khai thác cây kháo. P3 đưa cho P1 1.500.000 đồng bảo đi mua xăng dầu, còn P3 giữ lại 500.000 đồng. Khoảng hai hôm sau, P3, P2, S1, P1 lên khu rừng mở ao xanh dùng cưa máy cắt hạ cây kháo, xẻ được 11 thanh gỗ dạng ván để đóng quan tài, chuyên số gỗ này về để ở nhà P1. Quá trình vận chuyển có Lù Seo X (con trai P2), Lù Seo S5 (con trai P1) tham gia.

Thời gian tiếp theo, trong lúc P3 đi xem ruộng ở gần nhà D1, D1 hỏi P3 ứng trước một phần tiền mà P3 hứa hẹn sẽ chia cho D1 khi bán được gỗ, nói là nhà có người nằm viện cần tiền. P3 gặp bà Thảo Thị S6 là vợ ông C2 hỏi ứng số tiền 2.000.000 đồng rồi P3 cầm về nhà và gọi điện thoại cho D1 đến và đưa cho D1 tại khu vực trước cửa nhà P3.

Số gỗ đã khai thác để ở nhà P1, sau đó P3, P2, S1, P1 thuê Đặng Văn D3, trú tại thôn ĐT, xã Y dùng loại xe ba bánh có thùng vận chuyển đến nhà ông C2, nhưng ông C2 chưa có tiền trả ngay. Khoảng một tháng sau, ông C2 bảo P3 đã có đủ tiền trả, P3 gọi P2, S1, P1 đến nhà ông C2 để lấy tiền bán gỗ, D1 cũng đến để nhận phần tiền của mình (đến thời điểm này P2, P1, S1 mới biết D1 cũng được chia tiền bán gỗ). Tổng số tiền bán gỗ được 17.000.000 đồng, nhưng do P3 đã ứng trước 4.000.000 đồng nên gia đình ông C2 trả nốt 13.000.000 đồng. D1 dùng máy tính của điện thoại giúp tính toán chia tiền. Trừ chi phí mua xăng dầu là 980.000 đồng, số tiền còn lại là 16.020.000 đồng, được chia đều cho 05 người, mỗi người được 3.200.000 đồng, còn dư lại 20.000 đồng thì D1 cho luôn ông C2. Vì đã ứng trước 2.000.000 đồng nên D1 chỉ còn nhận được 1.200.000 đồng.

4. Cây trai lý được đánh số 18, có khối lượng là 2,311m³, do Lù Seo P1 cưa hạ vào khoảng tháng 12 năm 2019. Khoảng một tuần sau, P1 rủ P2 và S1 đi xẻ lấy gỗ bán. Trước khi đi xẻ cây gỗ này P1 gọi điện thoại cho D1 xin khai thác và được D1 nhất trí. P1, S1, P2 xẻ cây trai này được 06 thanh gỗ khối lượng 0,641m³, vận chuyển bán cho Đặng Văn A, trú tại thôn N, thị trấn YB, huyện Q được số tiền 7.000.000 đồng và chia nhau. S1, P2, P1 khai D1 cũng được chia tiền nhưng quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định việc này. Số gỗ này Cơ quan điều tra đã thu giữ.

5. Các cây trai lý được đánh số 07, có khối lượng là 2,11m³, được đánh số 08, có khối lượng là 3,61m³, khúc gỗ trai lý vị trí số 26 có khối lượng 0,448m³. Cây số 07 do Hoàng Văn S1 cưa hạ vào khoảng tháng 12 năm 2019, sau đó rủ P2 và P1 cùng xẻ. Trước khi đi xẻ S1 gọi điện báo cho D1 biết và được D1 đồng ý. S1, P2, P1 xẻ cây số 07 thấy gỗ nhiều rác nên bỏ lại, đi tìm cưa đổ cây số 08 gần đó; nhưng khi cưa đổ thấy cây bị rỗng ruột nên P1, S1, P2 tiếp tục tìm thấy 01 khúc gỗ trai không biết ai đã hạ từ trước và cắt khúc nhưng chưa xẻ (vị trí số 26). S1, P2, P1 xẻ khúc gỗ trai này được 04 thanh trụ với kích thước như nhau, vận chuyển về bán 02 thanh trụ cho Nhữ Việt B2, trú tại tổ 3, thị trấn YB, huyện Q được 3.600.000 đồng và chia nhau. S1, P2, P1 khai D1 cũng được chia tiền nhưng quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định việc này.

6. Cây sâng được đánh số 20, có khối lượng là 7,662m³. Khoảng tháng 01 năm 2020, S1, P2, P1 cùng nhau cưa hạ cây này và xẻ được 11 thanh gỗ khối

lượng 1,252 m³, bán cho Trương Văn S4, trú tại thôn ĐT, xã Y, huyện Q được số tiền là 3.300.000 đồng và chia nhau.

7. Cây đu đủ rừng được đánh số 06, có khối lượng là 4,087m³. Khoảng tháng 3 năm 2020, D1 nhờ và cùng S1, P1 và P2 cưa hạ cây này, xẻ được 05 tấm gỗ dạng hộp khối lượng 0,767m³ rồi thuê S5 và X vận chuyển về để ở nhà S1 03 tấm và nhà P1 02 tấm.

8. Các cây gỗ được đánh số 21, 22, 23, 24: Trong đó, cây được đánh số 21 có khối lượng là 1,76m³ còn cây được đánh số 24 có khối lượng 1,28m³ và đều là cây kháo; cây được đánh số 22 có khối lượng là 1,77m³ còn cây được đánh số 23 có khối lượng là 2,58m³ và đều là cây trai lý. Khoảng tháng 3 năm 2020, sau khi đã giúp D1 khai thác cây đu đủ rừng (cây số 06), S1 gọi điện xin D1 cho khai thác cây trai mà S1 đã chỉ cho D1 thấy trước đó, D1 nhất trí. S1, P1 đến vị trí cây được đánh số 22, dùng cưa máy cưa đổ cây này. Sau đó, S1, P1 thấy xung quanh còn nhiều cây khác nên tiếp tục dùng cưa máy cắt hạ 01 cây trai (cây được đánh số 23) và 01 cây kháo (cây được đánh số 24) rồi đi về. Hôm sau, S1, P1 rủ thêm P2 lên để xẻ gỗ, S1 gọi điện báo cho D1 là lên xẻ cây trai được đánh số 22, nhưng thực tế S1, P1, P2 lại xẻ cây trai được đánh số 23, được 08 thanh khuôn bao. Trong lúc đang xẻ cây được đánh số 23, P2 dùng cưa máy đi cưa đổ 01 cây kháo ở gần đó (cây được đánh số 21), với ý định sau này sẽ cùng nhau khai thác. Sau đó S1 dùng xe máy (nhãn hiệu ARENA, màu sơn đen, không có biển kiểm soát) chở 01 thanh gỗ xẻ từ cây được đánh số 23 về nhà thì bị Hạt kiểm lâm phát hiện thu giữ.

Ngoài các cây gỗ mà S1, P1, P2 cùng nhau khai thác như trên, các bị cáo còn khai thác các cây gỗ sau:

+ Các cây gỗ được đánh số 01, 10, 12, 13:

Cây được đánh số 10 là cây trai lý, có khối lượng 3,17m³; do Hoàng Văn S1 cưa hạ trong thời gian khoảng tháng 8 năm 2019 để Lù Seo X lấy cây dương xỉ trên thân cây.

Cây được đánh số 01 là cây kháo, có khối lượng là 4,02m³; do S1 cưa hạ khoảng tháng 9 năm 2019, đến thời điểm bị phát hiện chưa kịp xẻ.

Các cây được đánh số 12, có khối lượng là 1,90m³ và cây được đánh số 13, có khối lượng là 0,96m³, đều là cây kháo; do S1 cưa hạ vào khoảng đầu năm 2020, sau đó P2 biết và xin xẻ làm gỗ quan tài, chuyển gỗ về nhà đóng được 01 bộ quan tài bán cho một người (P2 khai không rõ địa chỉ của người mua, không nhớ số tiền bán gỗ là bao nhiêu).

+ Các cây gỗ được đánh số 03, 25:

Cây được đánh số 03 là cây trai lý, có khối lượng là 4,692m³; do do Lù Seo P1 cưa hạ vào khoảng tháng 7 năm 2019 rồi xẻ đoạn gốc làm khuôn bao (P1 khai không nhớ xẻ được bao nhiêu thanh và đã bán cho ai). Ngày 12/4/2020, P1 cùng Lù Seo S5 xẻ khúc ngọn được 07 thanh khuôn bao có khối lượng là 0,732m³ rồi vận chuyển ra ngoài rừng; S5 dùng xe máy chuyển 01 thanh gỗ định đem về nhà cất giấu để bán thì bị Hạt Kiểm lâm huyện Q phát hiện thu giữ gỗ và phương tiện. Sau đó, Hạt kiểm lâm thu giữ thêm 06 thanh khuôn bao đã vận chuyển ra ngoài rừng.

Cây được đánh số 25 là cây kháo, có khối lượng là $2,451\text{m}^3$; do P1 cưa hạ từ cuối năm 2019, sau đó rử S1 lên khai thác được 06 thanh gỗ dạng ván quan tài có khối lượng là $0,689\text{m}^3$. P1 vận chuyển số gỗ này về nhà cất giấu và bị Hạt kiểm lâm phát hiện thu giữ.

+ Các cây gỗ được đánh số 05, 11:

Cây được đánh số 05 là cây xoan đào, có khối lượng là $2,33\text{m}^3$; do Lù Chải P2 cưa hạ vào khoảng tháng 3 năm 2020 để lấy hoa phong lan trên thân cây.

Cây được đánh số 11 là cây kháo, có khối lượng là $1,80\text{m}^3$; P2 cưa hạ và khai thác khoảng đầu năm 2020, xẻ được 05 tấm ván dạng quan tài để tại rừng chưa kịp vận chuyển thì bị phát hiện.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình có công văn số 102/CV- CQĐT ngày 21/5/2020, đề nghị Hạt kiểm lâm huyện Q xác định hiện trạng, chức năng rừng, chủng loại, khối lượng gỗ theo kết quả khám nghiệm hiện trường.

Tại công văn số 53a/HKL ngày 21/5/2020 của Hạt kiểm lâm huyện Q xác định:

"1. Đối với hiện trạng rừng.

Từ tọa độ các cây gỗ đã bị chặt hạ đã được xác định trong biên bản khám nghiệm hiện trường, đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và đất lâm nghiệp thị trấn YB giai đoạn 2016-2025 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018, xác định được:

+ Cây số 15, 16, 17, 18, 19 (trong biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 45 ngày 28/4/2020) thuộc lô 15, 14, 11, 8 khoảnh 8 tiểu khu 308b; cây số 01 (trong biên bản khám nghiệm hiện trường 10 giờ 00 ngày 20/5/2020) thuộc lô 299097 khoảnh 8 tiểu khu 308b, hiện trạng là rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ.

+ Các cây gỗ còn lại (trong biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 45 ngày 28/4/2020) thuộc lô 6, 10, 12, khoảnh 8, tiểu khu 308b, hiện trạng là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất.

2. Về khối lượng gỗ khai thác trái phép: Trên cơ sở kết quả đo đạc thực tế tại biên bản hiện trường, Hạt kiểm lâm xác định được khối lượng của từng cây gỗ (gồm khối lượng gỗ tại hiện trường và khối lượng gỗ đã mất).

3. Về chủng loại gỗ bị khai thác gồm: Gỗ Trai lý nhóm IIA thuộc loại gỗ quý hiếm; gỗ Sâng, gỗ Kháo, Xoan Đào nhóm VI, gỗ Du đủ (Sồi Bắc) nhóm VIII thuộc loại gỗ thông thường.

(Có bảng kê kèm theo)".

Đối chiếu bảng kê của Hạt kiểm lâm với các cây gỗ mà các bị cáo đã khai thác, xác định được cây gỗ trai lý được đánh số 18 là khai thác tại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên; các cây gỗ còn lại là khai thác tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đề nghị Hạt kiểm lâm huyện Q xem xét xử lý hành chính theo thẩm quyền đối với các đối tượng có hành vi khai thác trái phép rừng nhưng chưa đến mức xử lý về

hình sự như Hoàng Văn S1, Lù Chải P2, Lù Seo P1 (khai thác cây trai lý được đánh số 18 có khối lượng là 2,311m³ gỗ quý hiếm nhóm IIA thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên); Thào Seo P3 (tham gia khai thác cây kháo được đánh số 02 có khối lượng là 2,53m³ gỗ thông thường thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên); Hoàng Văn D1 (giúp sức cho các đối tượng trên khai thác 6,617m³ gỗ thông thường và 4,328m³ gỗ quý hiếm nhóm IIA thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên; 2,311m³ gỗ quý hiếm nhóm IIA thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên) hay xử lý hành chính Lù Seo S5, Lù Seo X, Đặng Văn D3 (vận chuyển gỗ trái phép); Đặng Văn A, Nhữ Việt B2, Trương Văn S4, Sùng Seo C2 (mua bán gỗ trái phép)...

Đối với các cây gỗ được đánh số 17 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020 và được đánh số 01 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/5/2020, do các đối tượng khác khai thác nên đã tách ra giải quyết trong vụ án khác.

Các cây được đánh số còn lại trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020, quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng khai thác trái phép, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với việc xem xét trách nhiệm của các cơ quan quản lý, bảo vệ rừng, các cá nhân trực tiếp thực hiện quản lý, bảo vệ rừng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ tính chất, mức độ, xem xét xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 12 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự; truy tố Thào Seo P3 về tội Đưa hối lộ, theo điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật hình sự; truy tố Hoàng Văn D1 về tội Nhận hối lộ, theo điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; bị cáo Thào Seo P3 phạm tội Đưa hối lộ; bị cáo Hoàng Văn D1 phạm tội Nhận hối lộ. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S1 từ 38 đến 42 tháng tù, xử phạt bị cáo P1 từ 36 đến 40 tháng tù, xử phạt bị cáo P2 từ 32 đến 36 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D1 từ 12 đến 16 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P3 từ 07 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo S1, P1, P2, P3 đều làm ruộng, kinh tế khó khăn; bị cáo P1 là hộ nghèo và bị cáo P2 là hộ cận nghèo; các bị cáo S1, P1, P2 sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các

bị cáo này; đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng với thời hạn từ 01 năm đến 05 năm đối với bị cáo D1. Về dân sự: Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bồi thường gì, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét đến. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và số gỗ mà các bị cáo đã khai thác trái phép; đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy; truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo D1 đã nhận hối lộ và 6.900.000 đồng mà các bị cáo S1, P1, P2 có được do bán gỗ trái phép cho ông B2, anh S4; trả lại cho bị cáo P3 số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo P3 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả và trả lại cho các bị cáo S1, P1, P2 số tiền còn thừa sau khi đã truy thu số tiền có được do bán gỗ trái phép. Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo S1, P1, P2 do là đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí; buộc các bị cáo P3, D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo S1, P1, P2 xin được miễn án phí.

Người bào chữa cho các bị cáo S1 và P1 có ý kiến đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Các bị cáo S1 và P1 do không có việc làm ổn định mà lại háms lợi, lợi dụng việc quản lý sơ hở của người có trách nhiệm nên đã có hành vi khai thác gỗ trái phép tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, điều luật áp dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo là cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xét động cơ, mục đích, nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này; truy thu số tiền thu lợi bất hợp pháp của các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo do thuộc trường hợp được miễn và có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho P2 có ý kiến đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của bị cáo P2 là rõ ràng nên nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung, truy thu số tiền thu lợi bất chính, án phí đối với bị cáo P2; nhưng về mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo P2 ở mức khởi điểm là 24 tháng tù.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trong đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, không có yêu cầu gì về phần bồi thường đối với các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nhữ Việt B2, anh Đặng Văn A, anh Trương Văn S4 trình bày trong các đơn xin xét xử vắng mặt là giữ nguyên các lời khai trong quá trình điều tra, không khai thêm gì nữa và không có yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại phiên tòa cũng giữ nguyên các lời khai trong quá trình điều tra, không khai thêm gì nữa và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận có các hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai này phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và của những người làm chứng; phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2019 đến tháng 4 năm 2020, tại khu rừng mỏ ao xanh thuộc địa phận tổ 4, thị trấn YB, huyện Q, các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 đã cùng nhau khai thác trái phép 13 cây gỗ (là các cây được đánh số 02, 04, 06, 07, 08, 09, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 26 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020), mục đích khai thác là bán lấy tiền. Ngoài cây trai lý được đánh số 18 thuộc gỗ quý hiếm nhóm IIA bị khai thác trái phép tại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, có khối lượng chưa đến mức xử lý hình sự đã tách ra xử lý hành chính; 12 cây gỗ còn lại có khối lượng là 25,159m³ gỗ thông thường nhóm VI đến nhóm VIII và 20,208m³ gỗ quý hiếm nhóm IIA, đều khai thác trái phép tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, S1, P1, P2 cùng khai thác trái phép nên cùng phải chịu trách nhiệm chung.

[4] Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn S1 phải chịu trách nhiệm thêm về việc đã khai thác trái phép 9,331m³ gỗ thông thường và 3,17m³ gỗ trai lý quý hiếm nhóm IIA, từ các cây được đánh số 01, 10, 12, 13, 25 tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020. Tổng cộng, S1 phải chịu trách nhiệm về việc đã khai thác trái phép tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên 23,378m³ gỗ trai lý quý hiếm nhóm IIA và 34,49m³ gỗ thông thường.

[5] Bị cáo Lù Seo P1 phải chịu trách nhiệm thêm về việc đã khai thác trái phép 2,451m³ gỗ thông thường và 4,692m³ gỗ trai lý quý hiếm nhóm IIA, từ các cây được đánh số 03, 25 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020. Tổng cộng, P1 phải chịu trách nhiệm về việc đã khai thác trái phép tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên 24,90m³ gỗ trai lý quý hiếm nhóm IIA và 27,61m³ gỗ thông thường.

[6] Bị cáo Lù Chải P2 phải chịu trách nhiệm thêm về việc đã khai thác trái phép 6,99m³ gỗ thông thường, từ các cây được đánh số 05, 11, 12, 13 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020. Tổng cộng, P2 phải chịu trách

nhiệm về việc đã khai thác trái phép tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên 20,208m³ gỗ trại lý quý hiếm nhóm IIA và 32,149m³ gỗ thông thường.

[7] Các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý thực hiện hành vi khai thác gỗ trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên, trong khi các bị cáo không phải là chủ rừng và không được Ủy ban nhân dân huyện Q cho phép khai thác. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định tại Điều 58 của Luật Lâm nghiệp (về điều kiện khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên) và thuộc về các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Lâm nghiệp (gồm các hành vi là chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật), đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Lý do các bị cáo khai thác gỗ trái phép là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên khai thác gỗ mục đích bán lấy tiền để chi tiêu trong cuộc sống.

[8] Hội đồng xét xử kết luận Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 đã phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[9] Bị cáo Thào Seo P3 đã có hành vi hứa hẹn chia tiền bán gỗ và sau đó đã đưa tổng số tiền 3.200.000 đồng cho bị cáo Hoàng Văn D1, khi đó là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, để D1 đồng ý việc cho P3 và các bị cáo khác khai thác trái phép cây gỗ khoán được đánh số 02 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2020, thuộc khu rừng mà Hoàng Văn D1 có trách nhiệm bảo vệ. Hành vi của Thào Seo P3 là cố ý, đã xâm hại đến quan hệ xã hội bảo đảm cho uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước. Hành vi của Hoàng Văn D1 cũng là cố ý, đã xâm hại quan hệ xã hội bảo đảm uy tín và tính vô tư, chính trực của hoạt động thực hiện công vụ, nhiệm vụ. Hội đồng xét xử kết luận Thào Seo P3 đã phạm tội Đưa hối lộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; còn Hoàng Văn D1 phạm tội Nhận hối lộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[10] Các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1, Lù Chải P2 đều cố ý cùng thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép nên là trường hợp đồng phạm quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên không bị coi là phạm tội có tổ chức. Có lúc bị cáo S1, có lúc bị cáo P1 là người rủ các bị cáo khác đi khai thác; sau đó, các bị cáo đều là người thực hành. Khối lượng gỗ mà các bị cáo khai thác là khá lớn, cần lên một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Căn cứ vào khối lượng gỗ mà từng bị cáo đã khai thác, mức hình phạt đối với bị cáo S1 phải cao nhất, sau đó đến mức hình phạt đối với các bị cáo P1 và P2.

[11] Các bị cáo S1, P1, P2 đều có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu, là

người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; riêng bị cáo P2 có bố và mẹ đều được thưởng Huân chương Kháng chiến. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi quyết định hình phạt, cần giảm nhẹ phần nào đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[12] Bị cáo D1 có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; có hoàn cảnh khó khăn do bố bị bệnh tai biến mạch máu não để lại di chứng lâu dài cần có người chăm sóc, có 04 con còn nhỏ, trong đó có 02 con chưa đủ 12 tháng tuổi, bị cáo là lao động chính. Do đó, bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo D1 nhận hối lộ số tiền không lớn, với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, có đủ căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[13] Bị cáo P3 có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo P3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy số tiền đưa hối lộ không lớn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà vẫn đảm bảo được sự trừng trị người phạm tội, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[14] Do các bị cáo S1, P1, P2, P3 đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn; bị cáo P1 là hộ nghèo và bị cáo P2 là hộ cận nghèo; các bị cáo S1, P1, P2 sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo D1, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng với thời hạn nhất định.

[15] Vật chứng: Cần căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và số gỗ mà các bị cáo đã khai thác trái phép; đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[16] Số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo D1 đã nhận hối lộ là do phạm tội mà có nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền 6.900.000 đồng các bị cáo S1, P1, P2 có được do bán gỗ trái phép cho ông B2, anh S4; ông B2 và anh S4 không có yêu cầu gì, là tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên cần truy

thu của các bị cáo theo phần tương ứng để sung vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền có được do bán gỗ khai thác trái phép cho ông C2, thì các bị cáo đã trả lại tiền cho ông C2, mặt khác số gỗ đã bị thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Số tiền 7.000.000 đồng có được do bán gỗ khai thác từ cây trai lý được đánh số 18 cho anh A thì do việc khai thác cây gỗ trai lý được đánh số 18 đã được tách ra để xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Còn số tiền mà bị cáo P3 được chia khi bán gỗ thì do hành vi khai thác trái phép gỗ của bị cáo P3 chưa đến mức xử lý về hình sự mà chỉ xử lý vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét đến; cần trả lại cho bị cáo P3 số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả.

[17] Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[18] Về án phí: Các bị cáo S1, P1, P2 đều là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo P1 là hộ nghèo và bị cáo P2 là hộ cận nghèo; có đơn xin miễn án phí, nên cho các bị cáo S1, P1, P2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm, còn các bị cáo P3, D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[19] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1 và Lù Chải P2 phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; bị cáo Hoàng Văn D1 phạm tội Nhận hối lộ; bị cáo Thào Seo P3 phạm tội Đưa hối lộ.

Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S1 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/6/2020;

- Xử phạt bị cáo Lù Seo P1 37 (ba mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/6/2020;

- Xử phạt bị cáo Lù Chải P2 34 (ba mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/6/2020;

2. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D1 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 30/7/2020. Bị cáo Hoàng Văn D1 còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng với thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thào Seo P3 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Thào Seo P3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn YB, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- Một máy cưa xăng, nhãn hiệu HUSQVARNA, màu đỏ, không có lam xích, dòng máy do Trung Quốc sản xuất, đã qua sử dụng;

- Một chiếc lam máy cưa, có kích thước dài 97cm, bản rộng nhất 10cm, có in chữ HUSQVARNA, lam cũ đã qua sử dụng;

- Mười một tấm gỗ sồi, khối lượng 1,252m³;

- Hai tấm gỗ đu đủ rừng, khối lượng 0,316m³;

- Ba tấm gỗ đu đủ rừng, khối lượng 0,451m³;

- Hai khúc gỗ trai lý, khối lượng 0,224m³;

- Mười một tấm gỗ kháo dạng ván quan tài, khối lượng 0,880m³;

- Sáu tấm ván gỗ kháo, khối lượng 0,431m³;

- Một thanh gỗ trai lý, khối lượng 0,068m³;

- Một thanh gỗ trai lý, khối lượng 0,068m³;

- Tám thanh gỗ trai lý, khối lượng 0,732m³;

(Chi tiết vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình).

2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 26,08m³ gỗ nhóm IIA và 32,632m³ gỗ thông thường (nhóm VI, nhóm VIII) có số thứ tự từ 01 đến 19 trong Danh sách kiểm kê gỗ tại hiện trường *(Chi tiết vật chứng thể hiện trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình và danh sách kiểm kê gỗ kèm theo).*

3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ARENA, loại xe Win, màu sơn đen, không có biển kiểm soát, số khung RMHUV2H2UM6TV00792, số máy RMHYX152FMH-E002892, xe cũ đã qua sử dụng (*Chi tiết vật chứng thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình*).

4. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Hoàng Văn S1, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo S1 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02590 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; bị cáo S1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

5. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Lù Seo P1, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo P1 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02591 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; bị cáo P1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

6. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Lù Chải P2, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo P2 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02589 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; bị cáo P2 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

7. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn) đồng của bị cáo Hoàng Văn D1, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo D1 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02593 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; bị cáo D1 đã nộp đủ số tiền.

8. Tịch thu tiêu hủy một con dao bằng, có chiều dài 47,5cm cả chuôi, chuôi bằng gỗ dài 18,5cm có một vết nứt, lưỡi dao dài 29cm đã bị han rỉ, dao đã qua sử dụng (*Chi tiết vật chứng thể hiện trong thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình*).

9. Trả lại cho bị cáo Thào Seo P3 số tiền là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) mà bị cáo P3 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 02592 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn S1, Lù Seo P1 và Lù Chải P2; các bị cáo Hoàng Văn D1 và Thào Seo P3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PC10, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Quang Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quang Bình;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Quang Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Quang Bình;
- UBND thị trấn Y, huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Quang Bình;
- Bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự;
người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng